CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Ngày 31/12/2025	31,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.7%	**0%**	**3.7%**

DT thuần
Q4/25
4,360
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,841| 73.1%
YoY: ▲ 107| 2.5%

LN thuần
Q4/25
83.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 82.6| 7060%
YoY: ▼150| -64.2%

LN sau thuế
Q4/25
44.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼100| -69.1%
YoY: ▼150| -77.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
5.8%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE
2025
5.1%
YoY: +/-▼ 0.1%

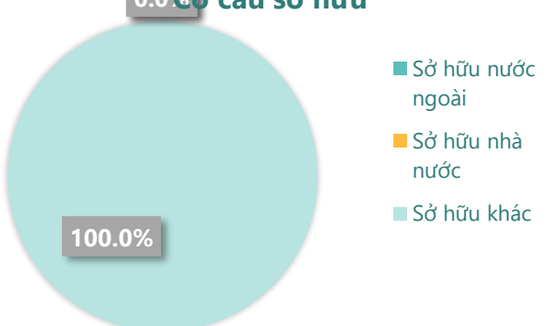
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,979 - 36,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,335
Số lượng CPLH (CP)	397,906,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,215
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.90
EPS	587
P/E	52.8

DT thuần
2025
11,811
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,651| 16.2%

LN thuần
2025
167
tỷ VNĐ
YoY: ▼119| -41.7%

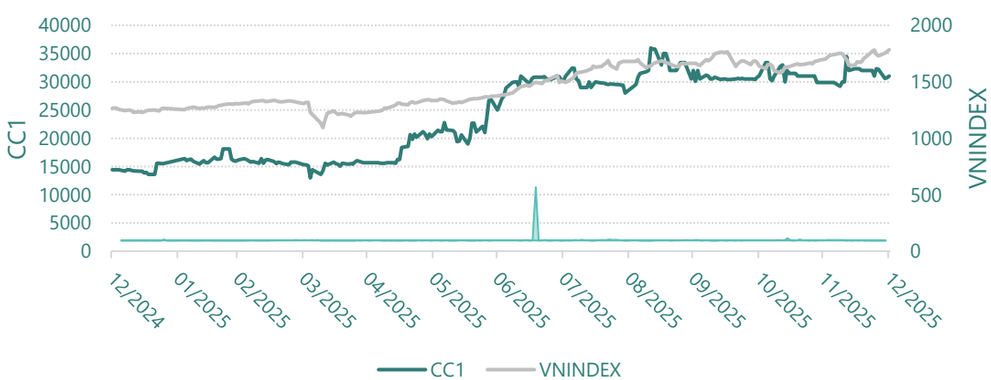
LN sau thuế
2025
227
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -1.1%

Cơ cấu sở hữu

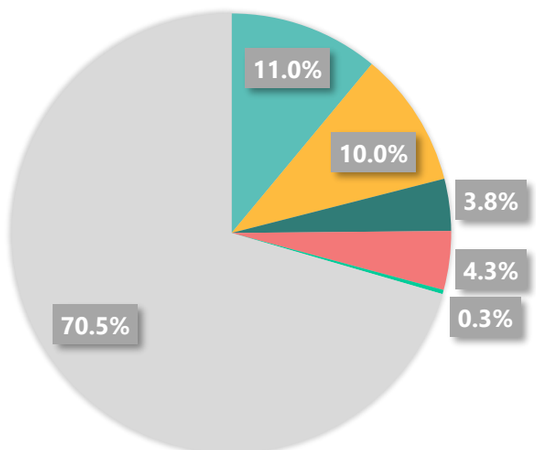


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



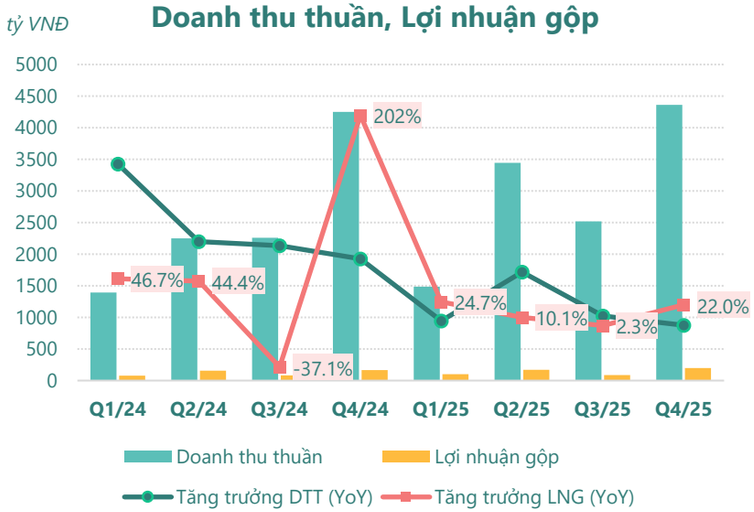
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

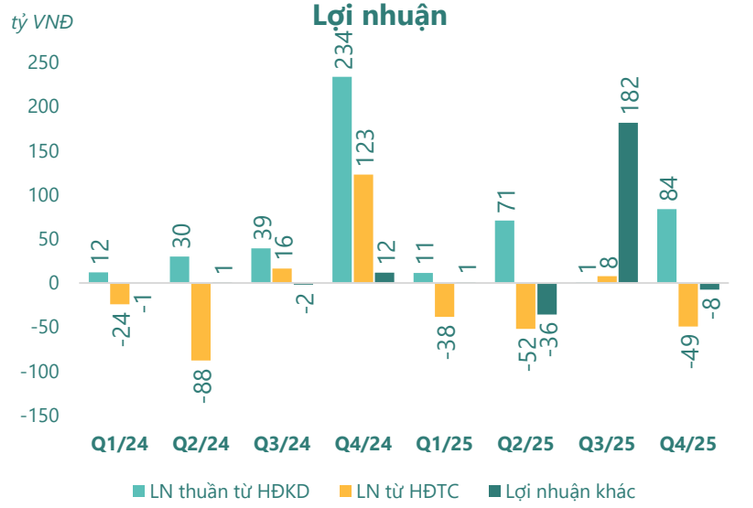
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



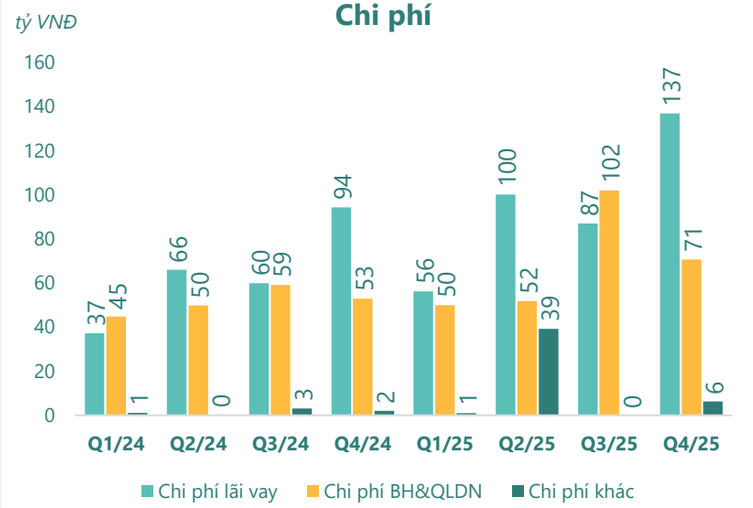
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



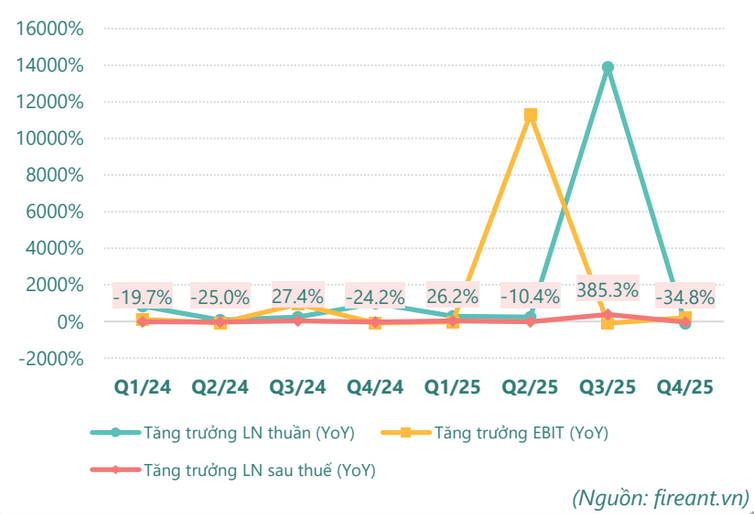
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



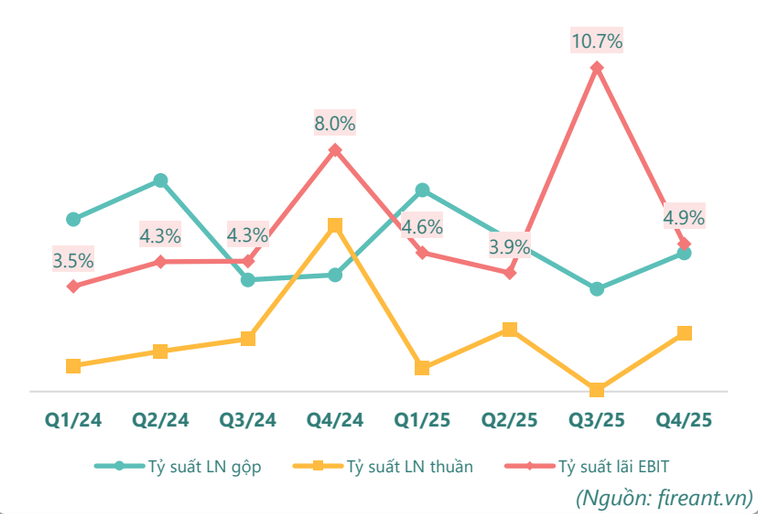
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



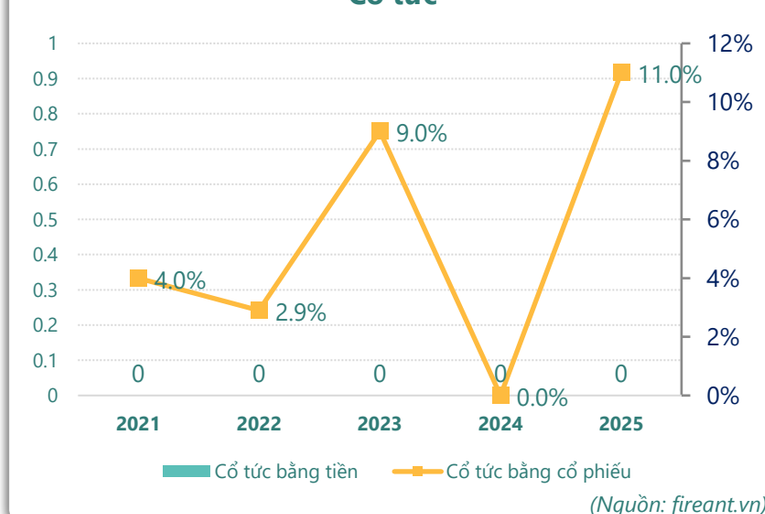
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

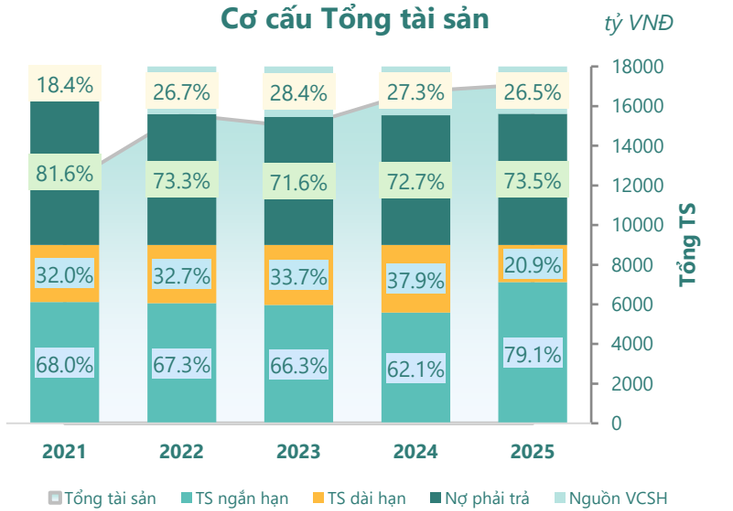
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

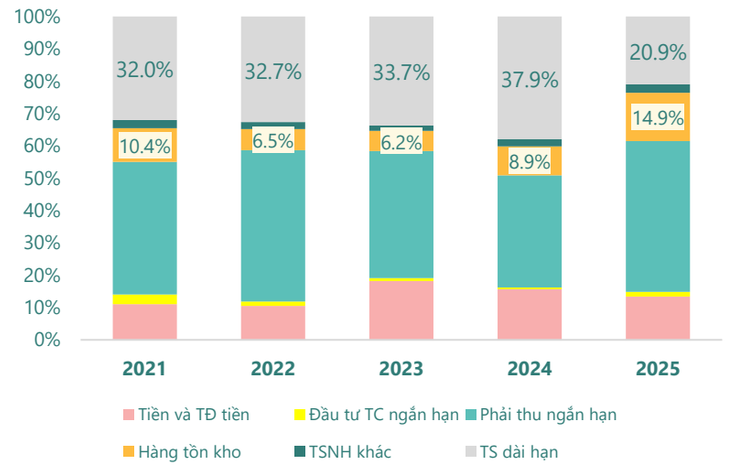
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



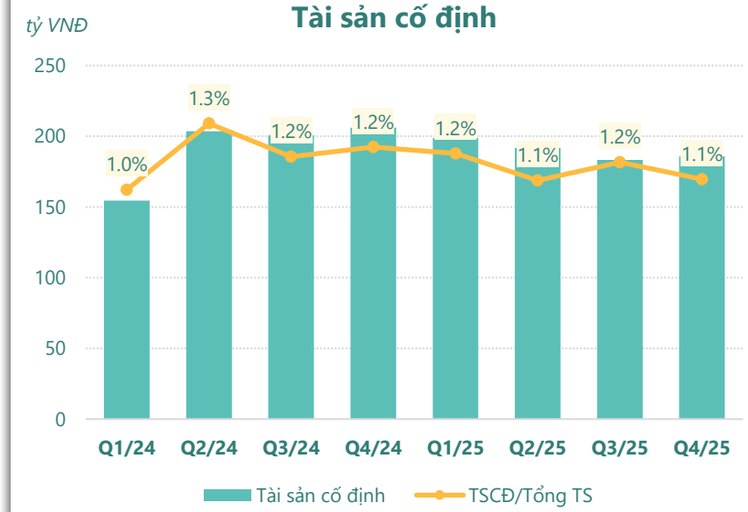
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



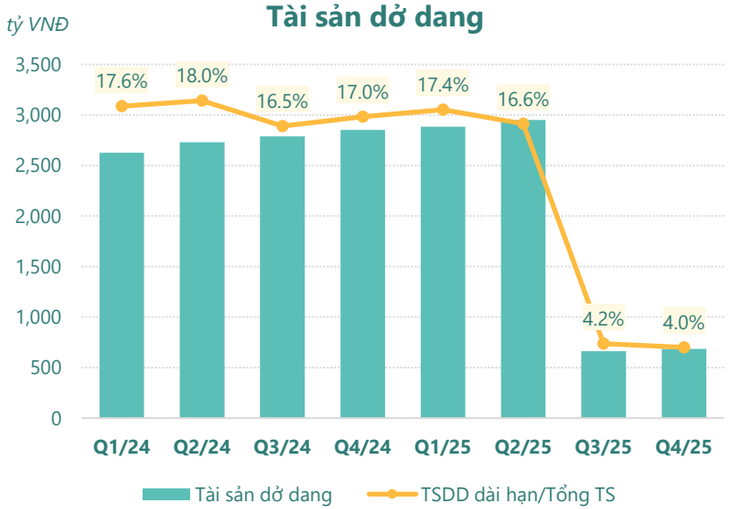
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



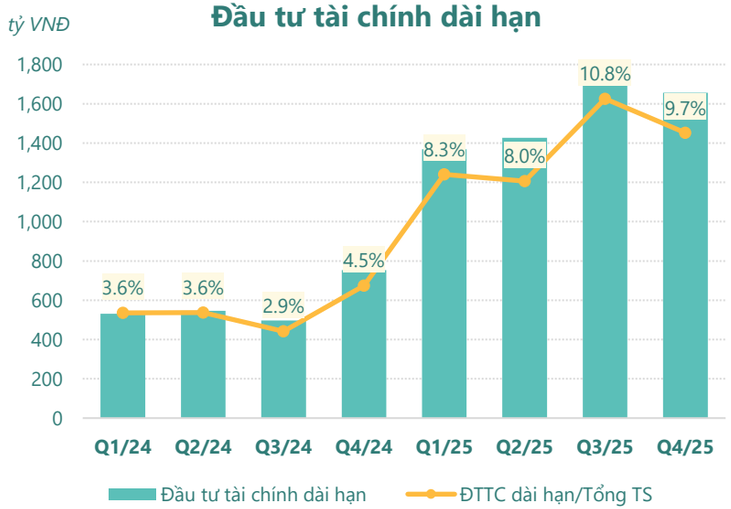
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



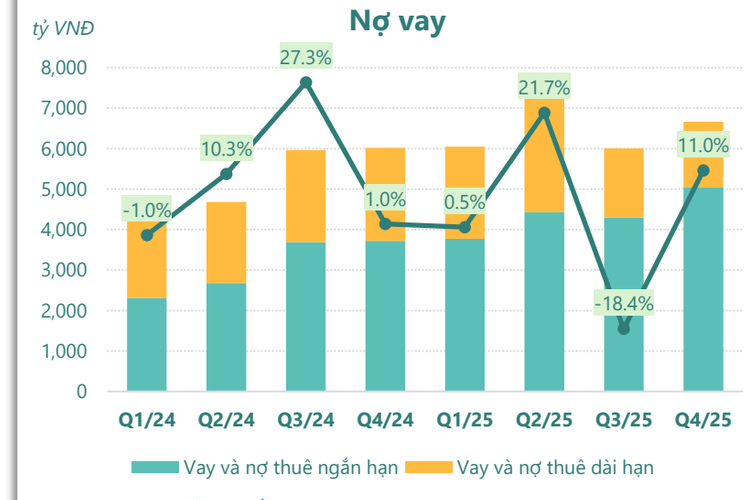
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

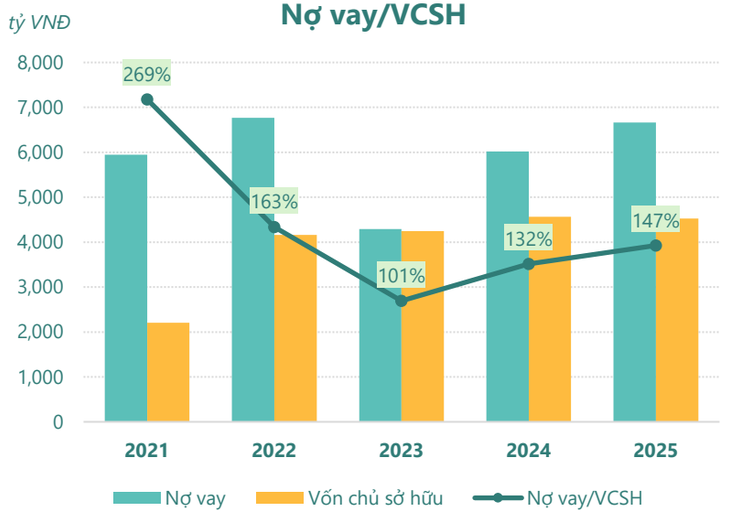
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

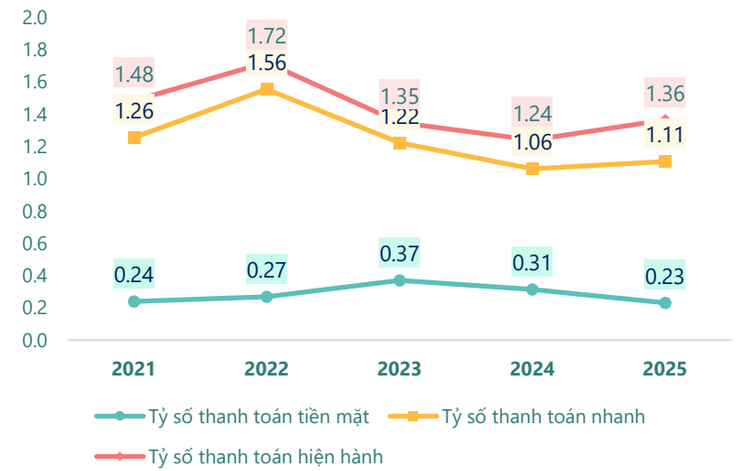
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



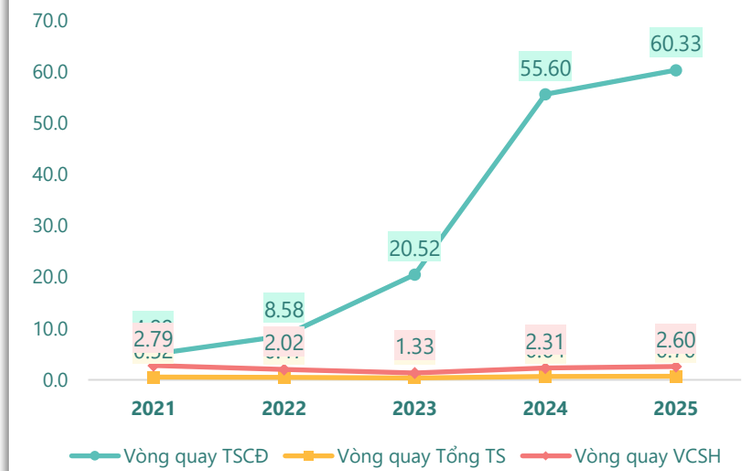
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



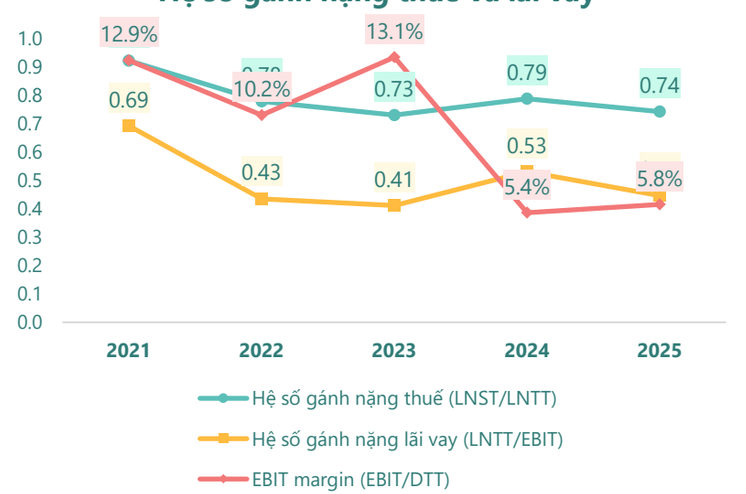
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



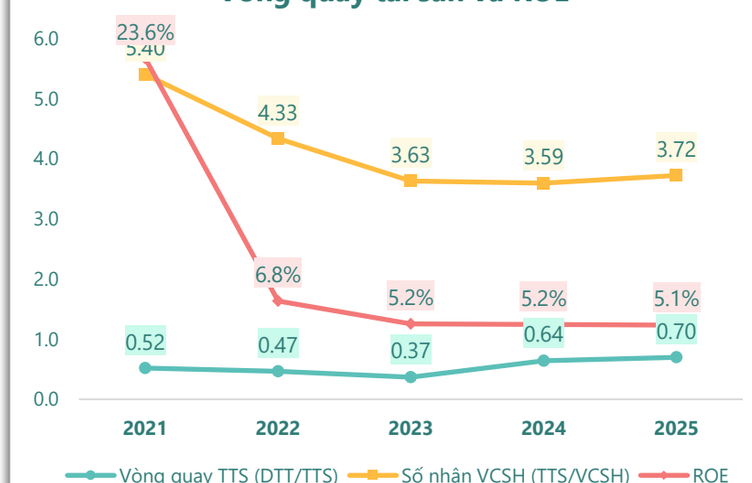
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



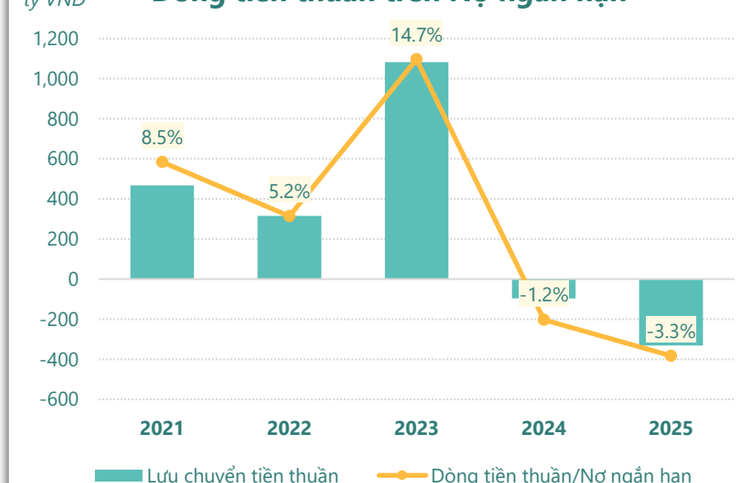
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4,360**	**4,253**	**2.5%**	**11,811**	**10,160**	**16.2%**
Giá vốn hàng bán	4,160	4,089	1.7%	11,253	9,677	16.3%
Lợi nhuận gộp	200	164	21.8%	557	484	15.2%
Doanh thu HĐTC	100	223	-55.0%	307	385	-20.3%
Chi phí TC	150	100	49.6%	439	325	35.3%
Chi phí lãi vay	137	94.3	45.2%	380	258	47.5%
LN trong công ty LKLD	**3.84**	**0.12**	**3102%**	**16.0**	**12.5**	**28.2%**
Chi phí bán hàng	0.03	2.72	-99.0%	4.20	8.81	-52.3%
Chi phí QLDN	**70.7**	**50.2**	**40.8%**	**270**	**262**	**3.2%**
LN thuần từ HĐKD	83.8	234	-64.2%	167	286	-41.7%
Lợi nhuận khác	**-7.66**	**11.6**	**-166%**	**139**	**5.16**	**2592%**
LN trước thuế	76.1	245	-68.9%	306	291	5.0%
Lợi nhuận sau thuế	**44.8**	**195**	**-77.0%**	**227**	**229**	**-1.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**43.6**	**176**	**-75.3%**	**234**	**229**	**2.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-233	-254	-405	-74.1	-2,320	-526
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-877	503	-179	-310	2,611	316
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,414	197	40.1	1,258	-1,399	657
Tiền đầu kỳ	1,875	2,180	2,625	2,081	2,955	1,846
Lưu chuyển tiền thuần	**305**	**445**	**-544**	**874**	**-1,108**	**447**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.02	0.00	0.19	0.13	0.15
Tiền cuối kỳ	2,180	2,625	2,081	2,955	1,846	2,293

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**17,112**	**16,728**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	13,530	10,382	30.3%
Tiền và tương đương tiền	2,293	2,625	-12.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	241	91.1	165%
Phải thu ngắn hạn	7,990	5,800	37.8%
Hàng tồn kho	2,543	1,495	70.1%
Tài sản ngắn hạn khác	463	372	24.4%
Tài sản dài hạn	**3,581**	**6,346**	**-43.6%**
Phải thu dài hạn	641	2,041	-68.6%
Tài sản cố định	186	206	-9.9%
Bất động sản đầu tư	398	431	-7.8%
Tài sản dở dang	684	2,853	-76.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,656	754	119%
Tài sản dài hạn khác	**16.9**	**59.8**	**-71.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,586	12,164	3.5%
Nợ ngắn hạn	**9,918**	**8,370**	**18.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,034	3,722	35.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,708	1,712	-0.2%
Nợ dài hạn	2,668	3,793	-29.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,627	2,298	-29.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,526**	**4,564**	**-0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**4,526**	**4,564**	**-0.8%**
Vốn điều lệ	3,979	3,585	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)